| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH TƯỜNG**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 42/2021/HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2021
*"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hoàng Thị Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân*

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Phan Duy Lục

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Cao Thị Hải Yến - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:*** Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: TDP L, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn , sinh năm 1967; địa chỉ: TDP L, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Phạm Thị H vắng mặt nhưng trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, bà H trình bày*:

- Về tình cảm: Năm 1986 bà và ông Đ có tổ chức lễ cưới với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Do thời điểm đó bà chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Bà và ông Đ về ăn ở với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ chơi bời cờ bạc nhiều năm nay, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Đ không thay đổi, không tu chí làm ăn, bà

và ông Đ thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vui vẻ. Do vậy bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa bà với ông Đ đã ở mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa bà với ông Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung là cháu: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (đã chết); cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/4/1988, cháu M đã trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình. Về con chung bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và công sức lao động: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại Tòa, nhưng tại Bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2021, ông Đ trình bày:*

- Về tình cảm: Ông thừa nhận bà H trình bày về quá trình ông bà làm đám cưới và về chung sống với nhau là đúng. Ông và bà H không đăng ký kết hôn, do thời điểm đó bà H chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông và bà H về chung sống với nhau đến năm 2013 thì bà H làm quặng bị thua lỗ, sau đó bà H bỏ ông Đ không về nhà nữa, ông Đ có một lần gọi bà H về nhà để giải quyết việc vợ chồng, bà H có về nhưng không hàn gắn vợ chồng, bà H quyết định bỏ đi từ năm 2012 đến nay. Nay bà H có đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông với bà H, thì ông cũng nhất trí, để giải thoát cho bà H.

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là cháu: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (đã chết); cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/4/1988, cháu M đã trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình. Về con chung ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2021, chị Nguyễn Thị M trình bày:* Chị là con gái ruột của bà H và ông Đ. Việc bố mẹ chị về chung sống với nhau như thế nào thì chị không biết. Khi chị lớn lên có thấy bố mẹ nói chuyện là bố mẹ có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, rồi về chung sống với nhau và sinh được 02 chị em gồm chị và Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (em trai chị đã chết), hiện chị đã xây dựng gia đình và ở riêng. Quá trình chung sống bố mẹ chị thường xuyên cãi vã, bố chị thi thoảng có đánh mẹ chị, chủ yếu là bố chị chửi mẹ chị, lý do mâu thuẫn là do bố chị thường xuyên chơi bời

cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con, dẫn đến bố mẹ cãi nhau. Đến năm 2012 thì bố mẹ chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị được biết bố mẹ chị đang đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, quan điểm của chị: Đây là việc của bố mẹ chị, bố mẹ chị tự giải quyết, chị không ý kiến gì.

*Tại Biên bản xác minh ngày 02 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân thị trấn T cung cấp:* Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn từ khoảng năm 1985 đến năm 1988 còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân thị trấn T thì không tìm thấy trường hợp đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H về chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào tháng 4 năm 1986. Nhưng không đăng ký kết hôn do tại thời điểm này ông bà chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Cưới xong bà H về làm dâu và ăn ở chung cùng gia đình ông Đ. Tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nên có 02 con chung. Đến khoảng năm 2012 thì ông Đ và bà H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng về quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế. Ông Đ và bà H sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Về con chung, bà H và ông Đ có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (đã chết); cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/4/1988, cháu M đã trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình. Về các mối quan hệ khác, địa phương không nắm được. Nay bà H có đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Đ cũng như các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng bà H, ông Đ đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà H, ông Đ đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không công nhận quan hệ giữa bà H với ông Đ là vợ chồng; về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung là

cháu: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (đã chết); cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/4/1988, cháu M đã trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình nên không giải quyết. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và công sức lao động: Bà H và ông Đ đều không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1]. Về tố tụng: Bà H và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà H đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà với ông Đ là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Bị đơn ông Đ có địa chỉ cư trú tại thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông Đ đã có lời khai thể hiện quan điểm của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt do bận đi làm và do tình hình dịch bệnh Covid-19, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế bà H và ông Đ tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 1986, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy hôn nhân của bà H và ông Đ vi phạm về mặt hình thức; không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo bà H trình bày, trong thời gian chung sống với nhau bà và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ chơi bời cờ bạc nhiều năm nay, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Đ không thay đổi, không tu chí làm ăn, bà và ông Đ thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vui vẻ. Do vậy bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa bà với ông Đ đã ở mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa bà với ông Đ.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35/2000 của Quốc hội quy định: *"Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là*

*vợ chồng...”*. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ tư pháp thì *“trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9; Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”*.

Xét mâu thuẫn thực tế của bà H và ông Đ đã ở mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức, nên không được công nhận là vợ, chồng.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung là: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (đã chết); Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/4/1988. Con chung đã trưởng thành, bà H và ông Đ đều không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức lao động: Bà H và ông Đ không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung là: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (đã chết); Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/4/1988. Con chung đã trưởng thành, bà H và ông Đ đều không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000606 ngày

27/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận***:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hoàng Thị Quỳnh**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Đặng Văn Minh** | **Phùng Văn Thông** | **Hoàng Thị Quỳnh** |